

Chuyện cũ không rời

*Khép mắt cố quên đời chiến sĩ
Làm thân cây cỏ gục ven bờ
Chợt nghe từ đáy hồn thương tích
Vẳng tiếng kèn truy điệu mộng xưa...*

* Thanh Nam

Trần Phong Vũ chuyển cho tôi mấy dòng thư của Đỗ Mạnh Tri cho biết anh có cảm giác như vừa nghe những lời trời trăng khi đọc một bài viết của tôi. Tôi không hiểu điều nào trong bài viết của mình gọi cho Đỗ Mạnh Tri cảm giác ngậm ngùi đó nhưng thấy đầu óc trống trơn. Hoàn toàn bất định, tôi mở một tờ báo cũ vừa nhờ Tạ Quang Khôi tìm được. Đập vào mắt tôi là một bài viết của Trần Phong Vũ từ ngót ba mươi năm trước. Cuối bài ghi ngày 22 tháng 11 năm 1974, tròn 24 giờ trước khi tờ Sóng Thần của chúng tôi phát hành số già từ độc giả vì không còn phương tiện xuất bản sau mấy tháng bị tịch thu liên tục. Rất nhanh, tôi bỗng thấy mình đang ngồi trong căn phòng tại đường Võ Tá Hân, Sài Gòn qua những dòng chữ của Trần Phong Vũ: “Chuông điện thoại reo vang. Từ đầu dây bên kia, giọng Uyên Thao trầm trầm quen thuộc: “Tụi tao quyết định xong rồi”. Tôi ừ hử không dám hỏi thẳng, muốn chạy trốn sự thực. Nhưng tiếng Uyên Thao vỡ ra như một nhát búa nện ngọt trên ô kính: “Phải đình bản. Không còn cách nào khác”. Tôi ngồi im, nhìn sững vào khoảng không. Bất động... Tôi nghĩ tới những năm tháng cộng tác với Sóng Thần, tờ báo mà cả người làm cũng như người đọc không khỏi hãnh diện vì lập trường dứt khoát, đứng đắn và cũng vì nội dung lành mạnh khó kiếm giữa thời buổi nhiễu nhương, vàng thau lẫn lộn này. Tờ báo đã làm gì nên tội? Những người viết cũng như những người đóng góp mồ hôi, công sức cho tờ báo đã làm gì nên tội mà phải nhận chịu cái kết cuộc bi thảm như vậy? Không uơ hèn, không ích kỷ, không chấp nhận bất công hà khắc, yêu chuộng dân chủ tự do, muốn được sống cho ra sống ... phải chăng là một cái tội?”

Bên cạnh bài của Trần Phong Vũ là bài viết cùng ngày của Nhật Tiến với những dòng cuối: “Chiều hôm nay, tôi được đọc lá thư khẩn báo của toà soạn Sóng Thần với độc giả... Mặc dù từ 3 tháng nay, tôi đã nhìn thấy sự gian khổ mà anh em trong toà soạn Sóng Thần phải chịu đựng, vậy mà tôi vẫn cảm thấy xúc động sâu xa trước lời lẽ khẩn thiết, chân thành của toà soạn trong lá thư đầy nghẹn ngào và nước mắt đỏ. Tôi tự hỏi vài ba bữa nữa, nếu không còn phương tiện để tiếp tục ra báo, Sóng Thần có thực sự tắt tiếng thật không. Ròng rã trong 40 số báo vừa qua, tiếng nói của Sóng Thần đã gây cho người đọc thật nhiều âm hưởng. Cho dù Sóng Thần không thể ra nữa thì tiếng nói ấy, âm hưởng ấy vẫn còn dội vang mãi trong lòng tôi, trong lòng độc giả”.

Giữa hai bài viết của Trần Phong Vũ và Nhật Tiến là lá thư của linh mục Thanh Lãng:

“Văn hữu Trùng Dương,

Tôi rụng rời, chán nản vô hạn khi chiều nay ra sạp báo không thấy có Sóng Thần. Tôi gọi cho văn hữu Nhật Tiến thì được biết Sóng Thần bị tịch thu vì bài của tôi. Văn hữu Nhật Tiến cho biết vì kiệt quệ đến tận cùng do bị tịch thu liên tục, Sóng Thần chiều mai sẽ ra số cuối cùng rồi sau đó sẽ đi vào giấc ngủ ngàn thu. Hôm kia, cả Trùng Dương, cả Uyên Thao đều gọi điện thoại hỏi thăm tôi xem đã khỏi đau chưa..

– Cha ơi! Đã khá chưa? Gửi bài cho Sóng Thần đi. Sóng Thần chẳng hy vọng sống thêm được bao lâu nữa đâu. Mong Cha trở lại để có mặt bên Sóng Thần trong những ngày ...

Tôi chận không cho hai người bạn của tôi nói hết câu nói mà tôi biết nó phũ phàng, đen tối quá.

Tôi vâng lời hai bạn để có bài... Bài của tôi chẳng viết gì khủng khiếp chỉ duyệt lại tất cả kháng thư của các đoàn thể đã đưa ra từ sau cái ngày 31-10-1974, các kháng thư đã được tất cả các báo đăng tải suốt 3 tuần qua...

Chị Trưng Dương,

Anh Uyên Thao,

Anh Lý Đại Nguyên,

Chẳng lẽ vận của Sóng Thần chỉ có thể thôi ư?

Các anh chị cố kéo dài cho Sóng Thần ít hôm nữa xem sao. Nhân danh là người đã gây hại cho Sóng Thần, tôi xin NỨC NỔ, NGHỆT NGÀO nói với, khóc với, than với tất cả anh em, thân hữu, người hàng Tâm, nhất là người hàng Sản hãy TIẾP TAY, TIẾP SỨC cho Sóng Thần... để Sóng Thần tiếp tục con đường xây dựng Tự Do, Dân Chủ mà nó đã chọn. SÓNG THẦN PHẢI SỐNG!”

Bốn chữ “Sóng Thần phải sống” nổi nhau hiện lên trước mắt tôi từ hàng loạt thư được trích in.

Bên cạnh thư của Giám Mục Huỳnh Văn Nghi là thư của Hoà Thượng Thích Trí Thủ, Thượng Toạ Thích Quảng Độ, thư của cụ Nguyễn Văn Lực, của luật sư Bùi Tường Chiêu, của học giả Nguyễn Hiến Lê, nhà văn Bình Nguyên Lộc, nhà thơ Vũ Hoàng Chương... và của một nữ sinh tên Nguyễn Thị Hoàng Kim đã quyết định gửi cho toà soạn 1000 đồng là tiền dành mua đôi dép mới. Em lập luận rằng em có thể mang đôi dép cũ để đi thêm một hai tháng nữa trong khi Sóng Thần đang cần sự tiếp tay để còn hơi thở...

Bốn chữ Sóng Thần phải sống cũng được lập lại trong bài viết trên các báo Công Luận, Trắng Đen, Điện Tín, Chính Luận... và là tựa đề một bài viết của báo Đại Dân Tộc.

Âm vang bốn tiếng đó đẩy tôi lùi xa mãi về cảnh sinh hoạt của tờ báo mà Lê Thiệp ghi lại trong một bài dài trên số báo xuất bản từ ngót ba mươi năm trước đang trải rộng trước mắt lúc này.

Lê Thiệp mở đầu bài viết bằng lời nhắc gần như tôi luôn được nghe vào thời gian đó:

“– Tôi thấy không nên đăng bài ông Liệu. Tránh voi chẳng xấu mặt nào.

– Tao nghĩ khác. Đây là một trắc nghiệm đối với chính sách thông tin. Ông Liệu chỉ đặt vấn đề thảo luận về thành phần thứ ba... Có nhiều điều đáng thảo luận lắm chứ.

– Tôi thấy ông platonique! Không có cái gì để thảo luận hết.

– Thế mày làm báo để làm gì?

– Tôi làm báo để cho ông Sáu Cao bán, không làm báo cho Cảnh Sát Quận 3.

– Đừng giở trò bày. Tao là xếp, tao cho đăng.

Tuyên bố xong, Uyên Thao cầm bài của Nguyễn Liệu cho vào xấp bài để sẵn cho Tấn Typo.

Tôi rút một điều Kool. Trên đời có thứ thuốc lá nào tôi ghét nhất thì phải là thứ thuốc này.

The the, gát, nồng, cháy không hết tàn và cái đầu lọc cứng như que củi. Nhưng xếp tôi – ông Uyên Thao ương ngạnh – lại hút cái của khi đó. Tôi hết thuốc và hết cả tiền mua nên đành hút gỡ một điều vậy.

Biết làm sao hơn!... Tôi bỗng chua xót cho cái thân phận của kiếp làm báo ở xứ này và thấy người nhẹ hẫng, đi như không chạm đất, ngồi như ngồi trên mây. Tôi không còn là tôi nữa, đã rời một môi. Tuy linh cảm thấy nguy hiểm nên không muốn đăng đoạn tiếp bài của ông Liệu, nhưng từ thâm tâm, tôi đồng ý với ông Thao... Tôi bỗng cảm thấy mình già đi, như xum xuống.

Buổi chiều buồn nản trôi. Uyên Thao và tôi ngồi trơ vơ trong toà soạn. Ông Thao trầm ngâm:

– Tao không nghĩ là tao quá khích, nhưng có thể tao cả tin. Thôi, từ nay mày quyết định cái nào đi, cái nào bỏ.

– Tôi chẳng ngại gì công việc cày bừa một nắng hai sương. Nhưng tôi sợ không đủ phẩm quyền. Dầu sao đứng mũi thì phải chịu sào. Ráng lên ông!

Hai đứa không nói gì thêm, lui cui làm việc.

Ngon đèn néon lung linh trong cái vắng lặng khôn cùng. Hơn 8 giờ tối, ông Thao đứng dậy.

– Tao thì tao không ngại. Vợ tao bắt đầu chạy hàng xách từ đầu tháng chắc cũng đủ rau cháo qua ngày. Nhưng thấy anh em khổ quá, tao buồn. Tội ở tao cả!

– Thôi, ông lắm cảm thấy mẹ! Những đứa còn ngồi tới giờ này đều là dân húc đến cùng mà ông. Tôi mới xin bà cụ được mấy xín, mời ông đi nhậu chơi.

– Gan tao nó phá, lòng bàn tay nát bấy rồi, đâu còn uống gì được. Tôi nào cũng thức khuya quá!

– Thôi, về ngủ sớm đi. Mai tôi lo hết cho. Mai tôi đến sớm, cho ông 8 giờ hãy đến. OK?

– OK. Cảm ơn mày nhiều. Con đào mày dạo này ra sao?

Tôi bật cười. Đào với địch cái gì? Sóng Thần cân hò từ lúc mở mắt đến khi đi ngủ, tuần lễ bảy ngày, tháng 30 ngày, còn thì giờ nào lo cho đào nữa.

– Ông ơi, nó bỏ tôi rồi. Người ta đã bỏ con rồi, Chúa ơi! Có đứa nào điên mới mê một tên vừa rách lại vừa mát. Chỉ húc bậy với ông cũng đủ để đào cho de rồi.

Sáng hôm sau, như mọi sáng, toà soạn lại tấp nập. Nhưng Anh Phan, Anh Điền, Huy Tường, Tiêu Siêu, Thục Viên... dạo này ít nói ít cười...

Nói gì nữa bây giờ? Quả thật báo có thể đình bản bất cứ lúc nào.

Ngày 30-10 đã sửa soạn đi luôn. Ngày 31-10 toà đã xử trong không khí hực lửa nhưng rồi cũng thoát. Đã có nhiều hôm quản lý Nhuận thông báo hết giấy. Toà soạn cứ làm việc và chờ đợi. Quản lý Nhuận xoay như chong chóng, cuối cùng cũng vay mượn được 4 cuộn giấy đủ cho một ngày. Biện pháp tịch thu mỗi ngày như ngọn roi quất mạnh thêm vào cơ đồ đã lung lay, như chà sát muối vào vết thương chảy máu. Nói gì nữa bây giờ?

Tờ báo là của chung. Trong tờ Sóng Thần không có chủ và người làm công. Mọi người đều là anh em, không ai muốn tờ báo đi vào cõi chết. Nhưng tương lai tăm tối ở phía trước. Nhà tên nào có cái gì quý đem ra bán hết rồi. Tivi, tủ lạnh biến thành giấy để rồi cảnh sát vò hết. Sự tịch thu liên miên bất kể lý trí đã đẩy tờ báo đến chỗ chết. Số báo ngày hôm qua, Sóng Thần bị tịch thu lần thứ 3 trong 5 ngày. Con số làm rung mình những người hiểu biết. Chúng tôi không làm loạn. Sự đóng góp của tờ Sóng Thần với chế độ từng được chứng tỏ trong mùa hè đỏ lửa 72. Một mình Sóng Thần đã trấn an dư luận hậu phương trước cơn bão chiến trường. Sóng Thần từng thách đố phái bộ Lê Quang Hòa đối chất công khai. Để rồi giờ đây 5 ngày tịch thu 3 lần... Nói gì nữa?

Hơi thở đã tàn lụi. Sức lực đã mòn cạn.

Toà soạn họp để nghe lời tuyên bố đình bản vì hết tiền. Không ai ngạc nhiên, không ai thất vọng. Hình như chúng ta nợ đến 40 triệu rồi. Hình như chúng ta đã cố vay tất cả những chỗ có thể vay. 5 ngày tịch thu 3 lần.

Nhưng dù không còn tha thiết nữa thì những ân tình làm sao để đáp lại?

Bác Quốc đã trả lại tiền nhuận bút. Cha Thiên Hồ viết chùa, còn cho 15 ngàn. Giỏ quýt ân tình của độc giả. Hai gói trà của một bà mẹ đưa đến sớm hôm qua. Một độc giả ở Trần Quang Diệu cho 2000 đồng. Và còn nhiều không kể hết... Những ân tình đó thì sao? Tôi chán nản bỏ đi khỏi toà soạn, bước thấp bước cao. Tôi nghĩ đến người đã dạy tôi làm báo. Mười năm trước, ông Từ Chung đã gục ngã vì đạn của những kẻ hèn nhát sợ sự thật.

Ông Từ Chung đã báo trước về những nhục nhằn của nghề báo. “Các ông đừng có nhìn nghề báo bằng lăng kính màu hồng. Các ông sẽ vấp lên vấp xuống. Các ông sẽ bị nó đánh sặc máu mồm dòn máu mũi. Các ông sẽ bị bóc lột như cu li bến tàu thời xưa. Các ông sẽ phải làm việc 14 tiếng một ngày vẫn không đủ ăn. Nhưng tôi có một lời nói chắc rằng hễ mà các ông thực sự yêu nghề thì nếu ngã xuống các ông lại đứng dậy, bò mà đi, lết mà tới”.

Không biết tôi lết mà tới được chăng?”

Mấy chữ cuối bài của Lê Thiệp là một câu hỏi cho tới phút này tôi vẫn không thể trả lời – đúng hơn là cố tránh trả lời.

Tôi biết rõ hết thấy chúng tôi không sợ phải bò lết, không sợ bị vùi dập.

Đây là chọn lựa ngay từ khi gây dựng tờ báo và đã là động cơ thuyết phục anh Chu Tử trong kỳ họp mặt những người liên hệ với tờ báo từ khắp nước cuối tháng 8 năm 1971.

Vào dịp đó, anh Chu Tử mặc dù tận lực hỗ trợ chúng tôi từ một năm trước trong việc tổ chức tờ báo nhưng không muốn tờ báo có tên anh. Anh nhắc những khó khăn sẽ đến với tờ báo do chủ trương được vạch ra và những khó khăn mà riêng bản thân anh đang gặp với tư cách một người cầm bút. Cho nên, anh coi như hết phận sự khi chúng tôi tổ chức xong mọi việc để có tờ báo. Anh không muốn cái tên Chu Tử sẽ chất thêm gánh nặng lên vai chúng tôi khi con đường chúng tôi đi là con đường đầy chông gai. Nhưng, từ Phạm Văn Lương, Nguyễn Liệu, Trần Huy Phong, Lý Đại Nguyên, Hà Thế Ruyệt ... đến các đại diện địa phương đều không muốn vắng tên Chu Tử trên tờ báo, ngay cả khi thực tế sẽ xảy ra đúng như anh nói là cái tên Chu Tử chỉ mang thêm gánh nặng về cho tất cả chúng tôi. Rồi cụ Phạm Văn Bính, cụ Trọng Nghĩa lên tiếng tán trợ chúng tôi khiến anh Chu Tử đành nhượng bộ thuận ghi tên vào nhóm chủ trương với điều kiện "chỉ góp mặt trong ba tháng đầu".

Tôi bắt gặp nụ cười của Tân Dân đang đứng trước micro.

Tân Dân lúc đó vừa tròn 21 tuổi, là người trẻ nhất và được giao nhiệm vụ điều khiển chương trình cuộc họp. Chu Tử chưa nói dứt mấy tiếng cuối cùng, Tân Dân với nụ cười rạng rỡ trên môi đã yêu cầu mọi người thông qua bằng một loạt vỗ tay.

Hình ảnh nụ cười của Tân Dân sống lại trong ký ức vào lúc tôi ngồi bên Vũ Ánh tại trại K3 khoảng 1984-1985. Vũ Ánh vừa chuyển từ trại Phú Khánh về nhốt chung với tôi tại K3 và kể về phút cuối cùng của Tân Dân tại trại Hàm Tân cuối năm 1975. "Nó không trốn. Nó cố tình chạy thẳng ra cổng trại cho bọn kia bắn". Thời gian đó, Vũ Ánh bị giam cùng trại với Tân Dân và là một trong những người chứng kiến bạn mình ngã xuống.

Khi bị bắn tại trại Hàm Tân, Tân Dân mới tròn 25 tuổi và trước đó không lâu còn viết cho tôi mấy dòng chữ đầy hào hứng. Tân Dân viết cho tôi từ một góc rừng nào đó mà Tân Dân tin là sẽ đem lại cho mình cơ hội đi tiếp con đường đã chọn.

Tôi vẫn bị bạn bè cho là cả tin nhưng sau 30 tháng Tư 1975 bỗng luôn đắn đo ngờ vực. Vì thế, tôi không muốn Tân Dân rời ngay thành phố để tham gia một đơn vị quân đội Cộng Hoà chưa chịu buông súng và vừa cử người lên tới gặp chúng tôi. Nhưng Tân Dân không còn làm chủ nổi mình. Buổi cuối cùng gặp tôi, Tân Dân nói một cách dứt khoát:

- Nếu phải ở lại, em sẽ bắn vợ con rồi bắn vào đầu mình chứ không chịu nổi cảnh này thêm một ngày.

Dù Tân Dân là một sĩ quan Biệt Động Quân tại tuyến đầu vùng I, tôi vẫn luôn bắt gặp trước mắt mình một sinh viên trẻ hồn nhiên. Lúc nghe Tân Dân nói những lời trên, tôi không còn thấy người sinh viên trẻ thường có mặt bên tôi trong thời gian qua nữa. Tôi nhớ lại Tân Dân đã quyết định không trình diện theo lệnh Uỷ Ban Quân Quản và không từ bỏ khẩu súng.

Tôi chỉ còn biết nhắc Tân Dân:

- Nếu có cơ hội thì viết cho anh. Nhớ gọi anh là Hai nếu tốt lành, còn không thì gọi anh là Út. Tân Dân đã nắn nót hai chữ "Anh Hai" ghi trên đầu mấy dòng chữ viết cho tôi một tuần sau đó.

Tuy vậy, tôi vẫn chưa hết ngờ vực khiến Võ Văn Quới luôn lặp lại cái điệp khúc "bắt quá thì coi như mình cúng dường Tam Bảo" và Lê Trọng Uyên gần như sẵn giọng với tôi "Cứ đắn đó mãi thì làm được gì. Kể cả là cái bẫy thì cũng lao vào".

Quới và Uyên là những luật sư trẻ có mặt bên cạnh Sóng Thần vào những ngày cuối cùng của tờ báo. Khi nghe hai người nói, một câu hỏi đã nổi lên trong đầu tôi: Có phải mình đang sợ chết?

Tôi đã tự trả lời rất thành thực. Trên đời này chẳng có ai không sợ chết, nhưng tôi thấy rõ từ tuổi hai mươi chưa bao giờ cái chết ngăn nổi bất kỳ chọn lựa nào của tôi, kể cả những khi tôi phải chọn lựa trong cảnh hết phương tự vệ và cái chết có thể ập tới tức khắc. Vấn đề chủ yếu là cái chết của mình có thể giúp nẩy nổi một búp chồi hy vọng nhỏ nhoi nào cho cuộc sống không?

Cho nên tôi quyết định vẫn sẵn sàng chia xẻ với bạn bè mọi điều có thể làm, nhưng sẽ không rời thành phố cho tới khi nhìn rõ mọi chuyện hoặc khi lâm vào cảnh bị dồn tới đường cùng. Những hình ảnh gập gờ đó của thời khoảng nối sau ngày 30 tháng Tư 1975 ùn ùn sống lại khi Vũ Ánh kể về Tân Dân. Nhưng rất mau, tất cả đều chìm xuống sau hình ảnh nụ cười rạng rỡ của Tân Dân mà tôi bắt gặp bữa nào. Một ý nghĩ bất chợt hiện lên: Minh không bao giờ còn thấy Tân Dân, không bao giờ còn được nhìn những nụ cười đầy tin tưởng của nó nữa! Cảm giác mất mát biến thành một đại dương mênh mông bao phủ và tôi bỗng thấy đơn độc tới mức kinh hoàng. Cảm giác này đeo đuổi tôi suốt những ngày nối tiếp, kể cả khi tôi đã ra khỏi nhà tù.

Năm 1986, khi Trần Gia Phụng tới tìm tôi tại chùa Pháp Hoa trong tình trạng bị quản chế, tôi lại gặp lại cảnh mình đang ngồi bên Vũ Ánh ở trại K3. Trần Gia Phụng không quen biết Tân Dân nhưng là người ở cạnh Phạm Văn Lương và câu chuyện Phụng kể là những giờ phút cuối của Lương tại một trại giam miền Trung. Lương không tìm cách nhận những viên đạn như Tân Dân nhưng dùng ống chích tự tay đưa vào cơ thể mình một chất độc cực mạnh. Trong lúc Phụng kể, tôi nhớ lại buổi trưa Phạm Văn Lương tới tìm tôi ở tòa soạn tuần báo Đồi.

Đó là giữa năm 1970, lúc Hà Thúc Nhơn vừa bị hạ sát tại Quân Y Viện Nguyễn Huệ, Nha Trang. Lương nghẹn giọng khi tôi ngẩng lên và câu nói của anh là những lời dứt quãng:

– Không thể để cái chết của Nhơn thành vô ích. Phải làm ngay một điều gì!

Sau câu nói, Lương như đổ xum xuống chiếc ghế. Tôi không thể nhận ra nét nào cho thấy người ngồi trước mặt từng là sĩ quan trong binh chủng Nhảy Dù và đang là một bác sĩ, một Thiếu Tá Quân Y phụ trách Khu Giải Phẫu của Quân Y Viện Duy Tân. Cái chết của Hà Thúc Nhơn khiến Lương lật đật từ Đà Nẵng bay về Sài Gòn tìm tôi. Trong chiếc sơ mi cụt tay bụi bặm nhàu nát bỏ lòng thông và đôi dép cao su, Lương như một kẻ lam lũ vừa được lòi ra khỏi hầm than hay hố rác nào đó.

Nhưng cặp mắt Lương nói lên tất cả nỗi đau đớn, uất nghẹn đang vây hãm.

Cặp mắt đó đã thúc tôi lao vào con đường mà Chu Tử cho biết là đầy chông gai ở phía trước và không ít lần Đỗ Quý Toàn nhìn tôi ái ngại. Tôi chưa quên lời nhắc của Đỗ Quý Toàn cũng tại tòa soạn tuần báo Đồi lúc đó:

- Ông đừng sống ở trên mây nữa!

Không hiểu sao tôi cứ nghĩ dù nói vậy bằng cái giọng xót xa cho tôi, Toàn sẽ hết sức buồn, nếu tôi từ bỏ việc đang làm. Riêng tôi, tôi biết chắc mình khó ngừng lại.

Ngay tại tòa soạn tuần báo Đồi, cũng một buổi trưa, một người lính xuất hiện, nói với tôi bằng giọng khô lạnh:

- Anh Sơn nhờ tôi chuyển cái thư này lại cho ông.

Tôi nhận chiếc bao thư từ tay người lính nhưng không biết Lê Văn Sơn là ai.

Người lính cho biết Lê Văn Sơn là một hạ sĩ cùng đơn vị với anh tại Biên Hòa. Tuần trước, đơn vị của anh nhận lệnh qua hành quân tại Snoul. Khi ra đi, hạ sĩ Lê Văn Sơn dặn nếu thấy anh không về thì trao lá thư cho tôi. Người lính kết thúc câu chuyện:

- Không lấy được xác anh ấy!

Cho tới lúc đó, tôi hầu như không còn nhiều cảm xúc trước cái chết.

Năm 1955, tôi đã đứng im bên Sáu Cao khi khẩu súng trên tay anh nhắm liên hồi vào một người phía trước.

Năm 1965, tôi đã ngồi im khi chiếc trực thăng chở những người bạn vừa chia tay không đầy năm phút nổ tung ngay trước mắt trên vùng trời Đức Cơ.

Cũng trong năm 1965, một tối mùa Đông, tôi đã lặng lẽ buông chìm vào tiếng nhạc tại Câu Lạc Bộ Phương Hoàng, Pleiku khi nghe báo người bạn hẹn gặp tôi không thể tới. Lời hẹn đưa ra lúc 4 giờ sáng khi chúng tôi gặp nhau chớp nhoáng tại phi trường Cù Hanh, nhưng người hẹn tan xác lúc 10 giờ. Khi nghe báo tin, tôi chỉ nhìn vào cổ tay trống trơn của mình.

Chiều hôm trước, tôi có mặt tại Sài Gòn và ghé chùa Giác Minh. Thầy Thích Đức Nhuận thấy tôi không có đồng hồ đã tháo chiếc đồng hồ của thầy đặt vào tay tôi với lời nhắc cần lưu ý tới

giờ giấc để sinh hoạt bất thường. Người hẹn với tôi tan xác vì một trái pháo đúng lúc chiếc đồng hồ của thầy Đức Nhuận bị bứt khỏi tay tôi. Nó văng mất vì một mảnh pháo, một viên đạn hoặc va chạm với một thứ gì tôi không rõ, nhưng tôi biết tôi cũng có thể lỡ hẹn với bạn.

Tất cả chỉ là may rủi và chẳng có ý nghĩa gì.

Tuy vậy, tôi đã chết lặng khi nghe người lính kết thúc câu chuyện về hạ sĩ Lê Văn Sơn.

Trong bao thư gửi cho tôi có 300 đồng và một mảnh giấy học trò nguệch ngoạc mấy chữ viết vội ngỏ ý *“góp một số vốn cho nhóm Hà Thúc Nhơn ra báo để nói lên tiếng nói của người dân.”*

Hạ sĩ Lê Văn Sơn không thoát khỏi vòng may rủi chung của hết thầy, nhưng không quên những điều vượt khỏi khuôn hạn đời sống một cá nhân. Có thể anh đã linh cảm mình không về nữa và mấy chữ viết vội kia chính là lời trời cuối cùng.

Tôi vẫn nghe văng lời nhắc của Đỗ Quý Toàn, nhưng tự hiểu không còn trở lực nào buộc nổi tôi ngưng lại. Số vốn tôi thiếu để tờ báo có thể ra mắt là 20 triệu không khác một đại dương mênh mông trong khi khó khăn trước mắt chất ngất như núi. Nhưng số tiền 300 đồng của hạ sĩ Lê Văn Sơn trở thành tiếng hét không cho phép chùn chân. Những tiếng hét kiểu này gần như cất lên hàng ngày từ khắp các miền đất nước.

Từ Quảng Nam, Kiều Xuân Tuất gửi cho tôi 50 đồng với vài dòng tự kể về mình. Tuất đang sống bằng việc bán kem dạo trong thành phố nhưng qua báo chí đã biết nguyên do dẫn đến cái chết của bác sĩ Hà Thúc Nhơn và mong được góp phần tiếp nối công việc mà bác sĩ Hà Thúc Nhơn muốn làm. Tuất tiếc chỉ có thể gom được vốn vẹn 50 đồng, nhưng mong chúng tôi sẽ đi tới cùng trong công việc đề ra.

Tại Đà Nẵng, khi tôi ngỏ ý muốn gặp một người gửi thư hứa góp 3000 đồng vốn cho tờ báo dự trù, Phạm Văn Lương phải hỏi thăm nhiều lần mới dặt nổi tôi tới căn nhà nằm sâu trong một con hẻm đầy góc ngách.

Chúng tôi được đưa tới một căn phòng mỗi bề không quá ba thước ngăn bằng những mảnh vải nhả nhúm để ngồi chờ chủ nhà đi kiếm người chúng tôi cần gặp. Đó là một cô giáo, tên Tú Loan. Chủ nhà cho biết Tú Loan đang sống bằng việc dạy kèm vỡ lòng chữ nghĩa cho một số em nhỏ trong khu xóm. Tôi sững người trước con heo đất đặt trên chiếc bàn kê giữa phòng. Con heo đất được choàng một mảnh giấy với mấy chữ ghi: *“Tiền để dành góp cho ông Uyên Thao”*.

Câu chuyện nghe kể trong buổi chiều tàn tại con hẻm tôi tắm ở Đà Nẵng và cái nhìn như mắt hút vào khoảng không nào đó của người thiếu phụ trẻ đã chất thêm vào tâm tư tôi nỗi ám ảnh bên cạnh mấy dòng chữ của hạ sĩ Lê Văn Sơn.

Tú Loan chỉ mới ngoài hai mươi đang mang mảnh băng tang trước ngực. Chiến tranh đã cướp mất cha mẹ cô và vừa cướp thêm chồng cô là một người lính tiền đồn ở Quảng Nam. Lúc này người thân duy nhất còn lại bên cô chỉ là đứa con nhỏ mới tròn ba tuổi. Cô không biết tương lai hai mẹ con sẽ ra sao với cuộc sống chật vật bấp bênh hiện tại, nhưng cô tự thấy phải chia xẻ với chúng tôi trong công việc đang theo đuổi.

Phạm Văn Lương im lặng trong khi tôi không biết nói điều gì.

Mạng sống và ước nguyện nhỏ nhoi của con người trên khắp nước đã trở thành bèo bọt từ khi tôi còn là một đứa trẻ và tiếp tục trở thành bèo bọt cho tới lúc này.

Tôi nhớ lại buổi chiều cuối đông trên đường tản cư năm 1946, cả bầy học trò nhỏ chúng tôi được dẫn tới tập trung trên bãi đất trống trước cổng huyện Chương Mỹ, Hà Đông để chứng kiến một việc mà cho tới cuối đời tôi chắc vẫn không quên. Chúng tôi chen chúc giữa đám đông họp thành vòng tròn ồn ào bao quanh một người quỳ gối, hai tay bị trói quặt ra sau lưng. Hình ảnh không rời khỏi tôi là lưỡi mã tấu vụt chém thẳng xuống gáy người đang gục đầu và âm vang những tiếng rú không biết phát ra từ đâu.

Lũ nhỏ chúng tôi chỉ kịp bung mắt ủa chạy tứ tán trong cơn mê sảng và suốt nhiều ngày sau không dám nhìn về mảnh đất kia. Dù luôn được nghe giảng giải chỉ dẫn đủ điều, nhưng tôi biết chắc mãi mãi đó là nỗi kinh hoàng ngoài sức chịu đựng đối với tôi.

Năm 1956 từ Sài Gòn, tôi được tin chú tôi ở quê nhà đã tự treo cổ để tránh bị đặt vào giữa một vòng người nào đó. Tôi nghĩ chú tôi cũng không chịu đựng nổi nỗi kinh hoàng và chết lặng khi tưởng tượng những người xung quanh tôi, bên cạnh tôi ngay tại Sài Gòn này có thể bị đẩy vào giữa nỗi kinh hoàng đó, dù ở vị thế nào – vị thế của tôi vào lúc đang trên đường tản cư năm 1946 hay vị thế của chú tôi sau này. Tôi gặp lại đúng mỗi ưu tư của mình nơi một sĩ quan trẻ trên mặt trận Sa Huỳnh đầu năm 1966. Vào lúc cùng dựa lưng dưới một chiến hào, chuẩn úy Phần kể cho tôi nghe lý do khiến Phần bỏ đời sống học trò để cầm súng chỉ vì sợ thấy người thân phải rơi vào cảnh ngộ tương tự như gia đình chú tôi.

- Phải góp sức chung lo cho mọi người chứ!

Đó là ý nghĩ đưa Phần tới chỗ chúng tôi đang có mặt. Tôi không biết số phận Phần ra sao, vì ngay sau đó bản thân tôi phải nhờ người chỉ huy của Phần là trung úy Võ Đăng Diệu — mà năm 2004 tôi được biết đang sống tại San Jose và làm thơ với bút danh Hà Ly Mạc — tới kịp mới còn hơi thở.

Nhưng lời lẽ hồn nhiên của Phần khiến tôi nhớ lại câu chuyện với đại tá Nguyễn Văn Hiếu tham mưu trưởng Quân Đoàn 2 lúc đó.

Khoảng hơn một tháng trước khi có mặt tại Sa Huỳnh, tôi đã nghe đại tá Hiếu đề cập tới cùng mỗi bản khoản của tôi từ một khía cạnh khác.

Bữa đó, tôi từ Phú Bổn trở về Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn, tới gặp ông. Trời đã gần tối. Phòng việc vắng hoe. Đại tá Hiếu hỏi tôi về các chi tiết quanh biển cố Fulro đang đặt toàn bộ Vùng 2 vào thế căng thẳng rồi đột ngột nói về cuộc đời đầu hai miền Nam - Bắc. Không giấu vẻ chán nản, ông nói với tôi:

- Chúng ta sẽ thua, anh ạ!

Ông giải thích ý nghĩ của mình:

- Họ thua kém chúng ta mọi thứ, từ kiến thức tới trang bị. Nhưng họ làm việc suốt 24 giờ cho mục đích của họ, còn chúng ta chỉ dựa vào công việc để vui chơi hoặc mưu lợi cá nhân.

Tôi không hiểu đại tá Hiếu có ấn định giới hạn cho hai tiếng “chúng ta” do ông nói ra không, nhưng ngay sau khi gặp chuẩn úy Phần, tôi đã thấy việc định giới hạn trở thành cần thiết.

Hai tiếng “chúng ta” mà đại tá Hiếu nhắc không thể bao gồm những người như chuẩn úy Phần, như bác sĩ Hà Thúc Nhơn, như người bán kem Kiều Xuân Tuất, như hạ sĩ Lê Văn Sơn, như cô giáo Tú Loan... hay như chính đại tá Nguyễn Văn Hiếu về sau đã trở thành vị tướng luôn được báo chí nhắc tới. Nếu không thể định giới hạn cho hai tiếng “chúng ta” thì chỉ có thể nghĩ chúng ta đang mắc một chứng bệnh trầm kha.

Tờ báo do chúng tôi đang chuẩn bị không còn là tờ báo mà chính là tiếng gào thét kêu gọi quyết tâm chữa lành bệnh để kiện toàn thân xác hầu đủ sức chận quét nỗi kinh hoàng thảm khốc đã phủ trùm đất nước từ nhiều năm tháng mà tuổi thơ của tôi đã bắt gặp từ cuối Đông năm 1946.

Để tiếng gào đó có thể cất lên, chúng tôi không chỉ phải vượt qua cái đại dương 20 triệu đồng mệnh mông mà còn đối mặt với nhiều thứ khó khăn.

Khu phố Công Quỳnh đã có lúc bị cô lập để Cảnh Sát tràn ngập toà soạn tuần báo Đời cát ngang buổi trao đổi với các đại diện sinh viên.

Võ đường Hoa Lư của Trần Huy Phong đã có lúc bị bao nghẹt giữa vòng vây Cảnh Sát Dã Chiến để phá vỡ cuộc họp mặt của những người đang mang trên thân xác những vết thương nhức nhối của đất nước. Đã có lúc Phạm Văn Lương phải cầm trái lựu đạn rút chốt sẵn sàng cho nổ tung cùng với thân xác mình để tới được trước Quốc Hội bày tỏ thái độ không chùn bước của chúng tôi.

Thủ tục về giấy phép vốn rất bình thường cũng đặt chúng tôi trên một đoạn đường đầy hầm hố.

Tờ báo lúc đầu dự trù mang tên chủ nhiệm Hà Thế Ruyết phải chuyển sang tên Nguyễn Tuyền rồi lại phải chuyển sang tên Trùng Dương để giấu kín tung tích.

Cuối cùng những ngày cu rư mang nghệt thờ cũng qua.

Chiều 24 tháng 9 năm 1971, số Sóng Thần đầu tiên được gửi tới bạn đọc.

Vào lúc chập choạng tối, anh Nguyễn Đức Quỳnh đột ngột xuất hiện ngay bên dãy máy in.

Nắm bàn tay tôi, anh nói bằng giọng xúc động:

- Bây giờ tôi có nhắm mắt cũng yên lòng. Ít nhất thì các cậu đã có điều kiện để nói những điều cần nói. Ráng giữ cho tờ báo đừng chết.

Tôi vẫn nghĩ trong lớp cầm bút đàn anh của tôi, anh Nguyễn Đức Quỳnh là người luôn trăn trở về những diễn biến đê nặng trên cuộc sống chung của đất nước. Lúc anh Quỳnh nói những lời đó với tôi ở nhà in Nguyễn Bá Tông cũng là lúc Đỗ Ngọc Yên thay mặt toà soạn đón quan khách và bạn bè tới dự buổi họp mặt giới thiệu tờ báo tại Trung Tâm Văn Bút. Tôi không biết Yên đã nói gì nhưng chắc chắn Yên không thể hình dung giây phút cuối cùng của tờ báo như đang hiện hiện trước mắt tôi qua số báo cũ đề ngày 24 tháng 11 năm 1974.

Tôi đã không thể làm được điều do anh Nguyễn Đức Quỳnh nhắc nhở. Lúc này nhớ lại, tôi thấy mừng là anh Quỳnh đã vĩnh viễn ra đi trước ngày cuối cùng của tờ báo. Ít nhất, anh đã không phải thất vọng vào lúc nhắm mắt, dù thực tế vẫn hết sức phũ phàng. Tôi vẫn chưa quên là giữa những cơn mê tỉnh chập chờn trước khi trút hơi thở cuối cùng, anh đã sai Kinh – con trai út của anh – đi kiếm tôi. Trên chiếc giường nhỏ kê giữa nhà, anh không còn giữ nét nào của ông già quắc thước với cặp mắt sáng rực những ngày trước. Tôi nắm bàn tay lạnh ngắt của anh trong lúc anh thì thào:

- Chiến tranh sẽ hết. Hãy ráng góp sức giữ cho không có cảnh chém giết hay hành hạ đồng bào. Dân mình khổ quá rồi!

Chỉ không đầy nửa năm, sau khi nghe những lời trời đó của anh Quỳnh, tôi đối diện với một đồng thư cao ngất luôn lập lại bốn tiếng Sóng Thần phải sống.

Lời nhắc này không khác lời nhắc của anh Nguyễn Đức Quỳnh nhưng đặt tôi trước một việc vượt khỏi tầm tay. Tôi không còn đủ sức với tới dù được tiếp trợ bởi rất nhiều người.

Những cây bút thuộc các thế hệ đi trước như Nam Đình, Ngoạ Long, Trần Tấn Quốc đã có mặt bên cạnh. Những người vô danh trên khắp nước liên tục gửi về toà soạn những gói quà, những số tiền lớn, nhỏ.

Các hãng thông tấn quốc tế loan tin tổ chức House of Freedom quyết định tặng tờ báo danh hiệu Ngòi Bút Vàng trong năm - Golden Pen 1974.

Hàng trăm ngàn người đã bất chấp lệnh giới nghiêm xuống đường phá các nút cản bằng xe tăng, kẽm gai của cảnh sát để tới tòa án bày tỏ ước muốn được thấy ánh sáng Công Lý trong phiên xử tờ báo ngày 31-10-1974 và hơn 200 luật sư đã nhận đứng ra biện hộ cho tờ báo trong phiên toà kế tiếp ngày 28-11-1974. Lịch sử pháp đình và báo chí Việt Nam cũng như thế giới chưa từng diễn ra sự kiện tương tự.

Tuy nhiên mọi chuyện đều trở thành vô ích trước cái lệnh hành chánh cuối cùng quyết định thu hồi giấy phép. Tờ báo đã bị sát hại và chết thực sự không bởi thiếu phương tiện, thiếu ý chí.

Tôi từng được gán cho cái tên “người giết báo” và đã trở li với chuyện sống chết của nhiều tờ báo. Nhưng sự vắng mặt của tờ Sóng Thần biến tôi thành ngo ngẩn khiến có lần bắt gặp tôi đứng trước cầu thang nhìn xuống đường, Đỗ Ngọc Yên đã nhắc:

- Anh chịu khó cười lên một chút. Lúc nào cũng dăm chiêu thế thì khá sao được.

Chẳng bao giờ tôi muốn làm ngược lời Đỗ Ngọc Yên, nhưng thực tế và ý muốn thường luôn xa cách.

Ngay từ phút đầu gây dựng tờ Sóng Thần, tôi đã nghĩ đây không hẳn là một tờ báo. Dù vẫn nằm trong khuôn khổ nghề nghiệp, nhưng tờ báo gần như là hơi thở cần thiết cho cuộc sống gắn bó với ước nguyện chân thành nhất của mỗi người.

Tôi chợt thấy quả đúng như Đỗ Quý Toàn từng nhắc. Cuộc sống đó hiển nhiên là cuộc sống ở trên mây. Nhưng chính vì thế mà hết thấy mọi người không phân biệt đều mong muốn được thấy nó hiện hình trên mặt đất.

Tôi nhớ tới những cái tên ký dưới các lá thư gửi về toà soạn. Bên cạnh những luật gia, học giả, văn nhân, nghệ sĩ nổi danh là những người suốt ngày quần quanh giữa cát bụi bờ đường. Bên cạnh các hoà thượng, thượng toạ như Thích Trí Thủ, Thích Quảng Độ, Thích Đức Nhuận... là giám mục Huỳnh Văn Nghi, là các linh mục luôn cầu xin bình an cho cuộc sống. Tôi nhớ tới ánh lửa bập bùng trong những đêm không ngủ của tín đồ nhiều địa phận giáo dân từ Tân Sa Châu, Gò Vấp tới Biên Hoà và các hội đoàn Phật Tử thuộc Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất với mong muốn soi sáng cho những lương tâm mờ tối và kêu gào công lý cho những người đang cố nói lên tiếng nói trung thực của người dân. Bên cạnh những người đó, tôi cũng không bao giờ quên những anh em phế binh với hình hài không còn nguyên vẹn vẫn sát cánh cùng chúng tôi ngay giữa những cụm khói lựu đạn cay nồng nặc và những trận mưa gạch đá.

Không phải tờ Sóng Thần của chúng tôi đã lôi cuốn sự lưu tâm của mọi người mà chính vì hết thấy đều thấy cần giữ cái hơi thở êm đềm cho cuộc sống của bản thân và đồng loại, hết thấy đều không chấp nhận bất công hà khắc, không chấp nhận những mưu toan vị kỷ ác hại và không chịu hèn mạt cúi đầu trước mọi mối đe dọa áp chế. Giữ vững cái hơi thở của sự sống đúng nghĩa sự sống là điều đương nhiên phải làm với mỗi người.

Ý nghĩ này khiến tôi thấy việc còn hay mất cái bảng hiệu Sóng Thần chẳng quan trọng gì, đồng thời cũng biết chắc là tôi khó thể cười nổi dù rất muốn theo lời Đỗ Ngọc Yến. Thêm nữa, còn những ân tình như Lê Thiệp đã ghi trong bài viết. Ân tình không chỉ gói gọn nơi những gì tôi nhận được cho tới ngày 24 tháng 11 năm 1974.

Năm 1986, ra khỏi tù trở lại Sài Gòn, tôi đã gặp lại chị Tiến là một Phật Tử từng chia xẻ gánh nặng với tôi thuở nào. Khi tờ báo khốn đốn vì bị tịch thu liên tục, thầy Thích Tuệ Hải nhắc chị Tiến ráng giúp tôi. Chị đã trao cho tôi 100 lượng vàng để đem bán lấy tiền mua giấy. Số tiền gần ngang với 40 ngàn Mỹ Kim lúc đó khiến tôi luôn áy náy.

Khi tôi ra khỏi tù, một người quen tới chùa Pháp Hoa cho hay chị Tiến và mấy đứa con hiện đang sống rất khó khăn vì tài sản chỉ còn lại căn nhà ở đường Hồng Thập Tự. Chồng chị và mấy đứa con khác đã biệt tăm trong một chuyến vượt biên. Tôi thấy phải tới gặp chị ngay dù đang bị quản chế.

Chị đưa tôi lên lầu, nhắc ngồi xuống trước bàn thờ Phật rồi lặng lẽ đặt vào tay tôi một nắm tiền. Không chờ tôi lên tiếng, chị nói ngay, giọng bình thản tới mức lạ lùng:

– *Chú đừng nhắc đến món nợ với tôi ngày trước nữa. Quên chuyện cũ đi. Bây giờ ra khỏi nhà tù, chú cần lo cho sức khoẻ. Tôi tiếc hiện chỉ còn số tiền nhỏ này, chú cầm lấy mua những thứ vật vãnh cần thiết.*

Cùng thời gian trên, một buổi tối, một người lạ tới chùa tìm gặp và hỏi tôi “*có phải là Uyên Thao không?*” Sau cái gật đầu nghi ngại của tôi, ông quay ra lấy gói đồ buộc sau chiếc xe đạp dựng trước cửa chùa Pháp Hoa. Ôm gói đồ vào trao cho tôi, ông vừa thở vừa nói:

– *Tôi mất cả tuần lễ dò hỏi mới biết được địa chỉ. Cha Lãm nghe nói ông được thả, nhờ tôi tìm ông để chuyển gói đồ này.*

Ông cho biết gói đồ gồm một mớ quần áo cũ và nhắc lại lời dặn của người gửi:

– *Cha bảo ông chọn món nào vừa thì giữ xài. Còn lại thì ôm ra chợ trời bán lấy một chút tiền tiêu đỡ.*

Tôi lụng khụng vì cái tên “cha Lãm” nhưng vụt nhớ ra là linh mục Nguyễn Quang Lãm mà chúng tôi thường quen gọi bằng bút danh Thiên Hồ. Vào những ngày cuối của tờ báo, ông luôn có mặt bên cạnh tôi với nỗ lực giữ cho tờ báo không tắt hơi. Cuối tháng Tư 1975, tôi cùng vợ tới thăm ông tại Nhà Thờ Huyện Sĩ vào một buổi tối giữa lúc cả Sài Gòn đang lên cơn sốt. Khi nghe tôi nói sẽ ở lại, ông im lặng nhìn, rồi đột nhiên đưa cả hai bàn tay lên bụng mặt bật khóc. Nước mắt chan hoà, ông nức nở:

– *Dân mình khổ quá rồi mà vẫn tiếp tục bị đày đoạ!*

Đó là lần đầu tiên tôi thấy nụ cười tắt trên môi linh mục Thiên Hồ và thấy rõ tâm tư của ông. Ký ức về những dòng nước mắt này dẫn tôi tới nỗi ưu tư của Trần Gia Phụng và Nhan Hoà. Mấy ngày trước đó, Phụng đã tới chùa Pháp Hoa tặng tôi số tiền có thể đủ mua ba chỉ vàng. Tôi như đọc thấy trong ánh mắt Phụng nỗi bứt rứt về cái viễn ảnh tối tăm phía trước tôi trong lúc tôi biết Phụng không còn là một giáo sư như thuở nào mà đang lam lũ kiếm sống quanh khu chợ trời Huỳnh Thúc Kháng. Tôi nhận tiền của bạn với nỗi thắc mắc về mức khó khăn mà Phụng sẽ phải đối đầu, sau khi lo cho tôi như thế.

Riêng Nhan Hoà, tôi vẫn chưa quên cái tai hoạ khủng khiếp ập tới với anh như một cơn địa chấn bất ngờ khi anh đang bị giam cùng tôi ở trại K.3.

Khoảng năm 1979 hay 1980 tôi không nhớ rõ, cùng với chiếc tàu nhỏ tại bến Nhà Bè là mạng sống của toàn thể những người thân trong gia đình anh. Dịp đó Nhan Hoà đã mất gia đình người anh ruột, mất bà mẹ, mất người vợ, mất hết thấy những đứa con của anh. Một đại gia đình mười mấy mạng chỉ còn lại anh đơn độc bơ vơ trong tang tóc, ngầy đại một thời gian dài. Nhưng Nhan Hoà không chỉ đem đến cho tôi những món quà. Anh đặt gói đồ mang theo xuống bên cạnh, đưa tay bóp vai tôi trong lúc lặng lẽ nhìn thẳng vào mắt tôi và cười hiền hậu. Chúng tôi không nói với nhau tiếng nào nhưng tôi có cảm tưởng đang đứng giữa một vùng nắng âm. Vào phút đó, tôi hiểu rằng cái hơi thở của cuộc sống trên mây vẫn còn nguyên vẹn dù thực tế mà chúng tôi đang trải chất đầy oan khiên, nghiệt ngã.

Tôi cũng nhớ lại buổi tối Sáu Cao tìm tới. Cùng ánh mắt mà tôi đã gặp nơi Trần Gia Phụng, nơi Nhan Hoà, Sáu Cao nhìn tôi chậm rãi nói:

– *Cách nào thì tôi cũng phải lo cho ông một số vốn làm phương tiện xoay sở cho qua cơn túng ngặt để rồi còn có lúc anh em lại được ngồi với nhau như ngày nào. Nhưng ông phải đợi tôi khoảng một tháng nữa. Lúc này tôi đang kẹt mấy cái vợ vẫn.*

Tới lúc đó, đã qua hơn ba mươi năm, chúng tôi có nhiều dịp ở bên nhau. Sáu Cao nhắc lại khoảng tháng ngày rừng rú ở Bà Đen thuở chúng tôi mới bước vào đời — cuối năm 1953 — và những bầm dập mà chúng tôi cùng chia sẻ thay vì nói về những nghiệt ngã đang bao quanh.

Nhưng anh không trở lại vào thời gian đã hẹn.

Tôi nghĩ tới các khó khăn có thể khiến anh không làm được việc muốn làm. Tuy nhiên, giữa chúng tôi, không có chuyện nói mà không làm và cũng không có chuyện tránh né khi không làm được theo lời đã nói.

Nếu gặp khó khăn, chắc chắn Sáu Cao đã trở lại cho tôi biết.

Tôi kéo dài chờ đợi thêm một tuần trong thắc mắc.

Cuối cùng Sáu Cao vẫn biệt tăm và tôi quyết định đi kiếm.

Theo chỉ dẫn do anh ghi lại, tôi tới con hẻm bên đường Hoà Hưng. Mất trọn buổi chiều loanh quanh hết ngách này qua ngách khác, tôi mới tìm được nhà anh vào lúc chập choạng tối.

Sáu Cao không còn nữa!

Anh đã vĩnh viễn ra đi từ hai mươi ngày trước.

Qua câu chuyện của vợ anh, tôi được biết Sáu Cao bị hành vì chúng đau bao tử từ lâu nhưng đang uống thuốc và hy vọng sẽ trị lành chỉ trong tháng này theo lời thầy thuốc.

Thời hạn hứa hẹn sắp hết thì anh đột ngột ra đi không kịp trần trối lời nào.

Tôi nhớ đến mấy tiếng “mấy cái vớ vẩn” mà anh nhắc đêm nào. Sáu Cao coi sự mất còn mạng sống của chính mình chỉ là những cái vớ vẩn nhưng lại băn khoăn cho cảnh ngộ của riêng tôi, nhất là băn khoăn về cái cơ hội “anh em có thể ngồi lại với nhau.” Sáu Cao nói hết sức mơ hồ nhưng tôi hiểu rất rõ ý anh qua mấy tiếng đó.

Gần 17 năm sau, tôi bỗng nhớ lại chuyện này khi từ Houston trở về Virginia tới gặp Choé vừa được sang Mỹ chữa bệnh.

Choé nhìn về phía tôi nhưng chỉ nhận ra khi tôi lên tiếng. Choé không nói về cặp mắt đã lòa của mình mà hỏi tôi có tính cho tái hiện tờ Sóng Thần ở đây không?

Tôi không trả lời, nhắc Choé hãy lo chữa bệnh.

Một tuần sau, tôi được tin bác sĩ bảo đảm sẽ chữa lành con mắt trái của Choé để Choé có thể cầm cọ vẽ trở lại. Choé đưa tay nắm tay tôi khi tôi tới gặp. Tay Choé run run và trên má Choé lăn dài những dòng nước mắt khi tôi ngồi xuống đối diện. Choé nói bằng giọng không giấu nổi xúc động:

- Anh nghĩ ngay đến chuyện xuất bản mỗi tháng một tờ đặc san Sóng Thần đi. Tôi sẽ lo với anh. Tôi không trở về nữa, dù phải sống bất hợp pháp ở đây. Hai anh em mình sẽ làm việc đó. Lúc này tôi có thể giúp anh được nhiều hơn ngày trước.

Những ngày nối tiếp, Choé thường nói về những dự tính đã theo đuổi Choé qua mọi cảnh ngộ suốt hơn hai mươi năm qua, kể cả khi ở trong tù lẫn khi đã tìm lại cuộc sống bên ngoài. Choé nhắc lại rõ hơn câu nói đã nói khi chúng tôi gặp nhau ở Việt Nam về việc một tờ báo Pháp năm 1995 gọi Choé là một người Việt Nam tiêu biểu, một họa sĩ cứng đầu. Bằng giọng nói yếu ớt ngược hẳn với vóc vạc to lớn, Choé nói:

- Anh thấy đó! Thằng em của anh có đáng được coi như thế này không, nếu cứ tiếp tục giả ngây giả dại không chịu đương đầu với những thứ rắn rết? Tôi đã phải nhẫn nhịn nhục nhã quá nhiều rồi. Bây giờ có cơ hội này, tôi phải lo với anh.

Tôi ngỡ như đang nghe Sáu Cao nhắc mấy tiếng “mấy cái vớ vẩn”. Choé cũng không hề thấy cái mất còn của mạng sống là đáng kể. Rõ ràng Choé chỉ đang chờ lúc đạt được điều kiện cho phép mình theo đuổi những dự tính từng ấp ủ. Một mối lo mơ hồ đột ngột dâng lên, nhưng tôi vẫn nói sẽ tính tới việc đó khi con mắt của Choé được cứu xong. Tôi nhắc là sẽ không chỉ có tôi với Choé, vì sát bên chúng tôi ở ngay Virginia này còn rất đồng anh em cũ như Hoàng Hải Thủy, Anh Điền, Lê Thiệp, Trương Cam Vĩnh, Dzuong Ngọc Hoán, Nguyễn Mạnh Tiến, Ngô Vương Toại... và những người ở xa, thậm chí ở Canada như Hải Triều, Trần Gia Phụng... có thể cũng không vắng mặt.

Trương Cam Vĩnh, Hải Triều và Choé là những người đã bị bắt giam vì tội trạng “người của toà soạn Sóng Thần” cho tới cuối tháng Tư 1975. Choé vẫn nhớ Hải Triều đã đưa cho Choé bộ đồ dân sự để tháo chạy khỏi nhà giam vào buổi trưa ngày 30 tháng Tư 1975.

Nhưng từ Cali, tôi nhận tin Choé đột ngột hôn mê.

Trở về, tôi chỉ kịp tới bệnh viện Fairfax, lên tầng lầu 10, nhìn Choé nằm bất động trên giường bệnh chờ giây phút cuối cùng sẽ tới.

Trong lúc đưa tay chặn những dòng nước mắt trên má Choé, tôi nói với Choé sẽ ráng thực hiện một mong ước cuối cùng nhỏ nhất của Choé.

Tôi không biết Choé còn nghe được lời tôi nói không và bỗng nghĩ tới Tân Dân, tới Phạm Văn Lương, tới Chu Tử, tới Trần Huy Phong, tới Phan Nhự Thức, tới Sáu Cao, tới Nguyễn Khắc Sỹ, tới các anh Nam Đình, Ngoạ Long, Trần Tấn Quốc, tới linh mục Thanh Lãng, linh mục Thiên Hồ, thượng toạ Thanh Long, thượng toạ Độ Lượng, thượng toạ Đức Nhuận, thượng toạ Tuệ Hải...

Không hiểu sao, tôi cứ nghĩ hết thấy những người đã ra đi mãi mãi đều có chung một ước nguyện, dù vào những ngày cuối đời, Trần Huy Phong luôn nghĩ tới một việc có vẻ khá tách biệt với mọi người là nhắc tôi cố thu xếp thời giờ để cùng anh duyệt lại một số chi tiết kỹ thuật cần thiết cho việc hoàn thành bộ Việt Võ Đạo Toàn Thư.

Trong ý nghĩ của tôi, bộ Việt Võ Đạo Toàn Thư mà Trần Huy Phong muốn hoàn thành, tờ đặc san Sóng Thần mà Choé mong sẽ có hay cơ hội anh em cùng nhau ngồi lại như Sáu Cao nhắc nhở, thậm chí những ý nghĩ cuối cùng của Tân Dân, của Phạm Văn Lương khi tự đi tìm cái chết... chỉ đều xuất phát từ ước nguyện được góp sức duy trì hơi thở cho cuộc sống mà Đỗ Quý Toàn gọi là cuộc sống trên mây.

Tôi nhớ tới những người đã cùng chia xẻ khó khăn thuở nào, nhớ tới những người từng an ủi khuyến khích, nâng đỡ tôi trên những đoạn đường nghẹt thở. Tôi không còn cơ hội gặp lại bất kỳ ai, nhưng tôi nghĩ tất cả đều mang chung một ước nguyện như các bạn tôi.

Trong tang lễ của Choé tại một giáo đường thuộc quận Arlington, tôi như nhìn rõ hơn ước nguyện đó qua những lời ca:

Lạy Chúa,

xin hãy dùng con

như khi cụ bình an của Chúa

Để con đem yêu thương vào nơi oán thù,

đem thứ tha vào nơi lãng nhục,

đem an hoà vào nơi tranh chấp,

đem chân lý vào chốn lối lầm.

Để con đem tin kính vào nơi nghi nan,

chiếu trông cậy vào nơi thất vọng.

Để con rọi ánh sáng vào nơi tối tăm,

đem niềm vui đến chốn u sầu...

Cuối năm 1975, khi nằm trong phòng giam số 11 tại trại giam Tổng Nha Cảnh Sát cũ ở Sài Gòn, tôi đã thuộc lòng những lời ca này. Lời ca thường văng ra từ phòng số 13 vào những lúc chúng tôi biết chắc không có cai tù lảng vãng phía ngoài.

Suốt hơn mười năm sau đó dù ở trại giam nào, tôi vẫn không ngừng nghe những lời ca văng lên từ ký ức với âm vang mỗi lúc một tha thiết hơn. Âm vang những lời ca luôn mang lại cho tôi cảm giác thanh thản nhẹ nhàng trước các thử thách dữ dội và đã giúp tôi vượt qua không ít chặng đường ác nghiệt.

Nhưng những lời ca quen thuộc trôi lên trong tang lễ Choé vào buổi tối tại Arlington lại khiến dấy lên cảm giác nhói đau mà tôi đã có vào lúc đứng trước bức tượng Nathan Hale trong khuôn viên đại học Yale, Connecticut. Người trở thành tượng chỉ vừa tròn 21 tuổi khi bị treo cổ năm 1776.

Cảm giác nhói đau không khởi từ cái chết của Nathan Hale mà khởi từ câu nói còn được ghi lại: *“Tôi tiếc chỉ có một mạng sống để dâng hiến cho đất nước tôi”* (*).

Câu nói cuối cùng này được diễn lại khác hơn trên tờ báo xuất bản một năm sau khi Nathan Hale vĩnh viễn ra đi: *“Nếu có mười ngàn mạng sống và khi được kêu gọi, anh cũng hy sinh hết thảy để bảo vệ quê hương bị cào xé và đang đổ máu”*. (**).

Tôi không ngạc nhiên về sự thoải mái của Nathan Hale dù có phải chết cả chục ngàn lần, vì sau đó là sự vuron lên của đất nước và dân tộc Hoa Kỳ.

Suốt hơn nửa thế kỷ qua, trên đất nước Việt Nam không thiếu người đã hiến dâng mạng sống nhưng có lẽ hết thảy đều khó nguôi đau đớn vì quê hương vẫn không ngừng bị dập vùi và tuôn máu xối xả.

Cả người đã chết lẫn người đang sống chưa thể ngưng bò lét trong khi cơ hội hiến dâng cho đất nước vẫn còn nguyên vẹn là một ước mong.

Tôi tránh trả lời câu hỏi do Lê Thiệp nêu từ ngót ba mươi năm trước, bởi dù hết thảy vẫn lét đi nhưng khó nói có tới được hay không.

Và lại, sẽ tới đâu khi còn chưa thoát cảnh đang phải vùng vẫy cố tìm một cơ hội hiến dâng?

● Virginia

1111-2003